

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04/12/2020

V/v “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường;
2. Ông Đoàn Thế Xương;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Dân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B - sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2006 không làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng vẫn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, từ năm 2014 vợ chồng anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung cháu Nguyễn Hoàng H sinh ngày 01/01/2007. Khi ly hôn, chị và anh T thống nhất

thỏa thuận để chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng H đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, tại biên bản hòa giải anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2006 không có đăng ký kết hôn, nhưng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị B trình bày là đúng. Đến nay chị Hoàng Thị B làm đơn xin ly hôn, anh Nguyễn Duy T cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung. Về tên, tuổi cháu như chị B trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh và chị B đã thống nhất để chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng Hải đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Hoàng Hải, cháu Hải có nguyện vọng được ở với chị Hoàng Thị B.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 9; điều 14; điều 15; điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng H sinh ngày 01/01/2007 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo

khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị B và bị đơn anh Nguyễn Duy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị B trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Duy T chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy nhiên việc chung sống của chị B và anh T là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị B và anh T là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, và sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị Hoàng Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Duy T cũng xác định tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị B, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh T là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung cháu Nguyễn Hoàng H sinh ngày 01/01/2007. Quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh T đều thống nhất thỏa thuận để chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hải đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị B làm nghề tự do, mức thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Cháu Nguyễn Hoàng Hải cũng có nguyện vọng được ở với chị B. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận trên giữa các đương sự là phù hợp với điều 15; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9; khoản 1 điều 14; điều 15; khoản 2 điều 53; điều 81; điều 82; điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng H sinh ngày 01/01/2007 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001910 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên. Chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh